

## CHƯƠNG VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

<b>E-ĐKC 10</b>	<p>10.1. Tạm ứng</p> <p>Tạm ứng 20% giá trị hợp đồng trong vòng 14 ngày làm việc, trên cơ sở bên B xuất trình đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Công văn đề nghị tạm ứng của nhà thầu</li><li>- Bảo lãnh tiền tạm ứng vô điều kiện, không hủy ngang của Ngân hàng với số tiền và loại tiền tương đương.</li><li>- Thời gian tạm ứng chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực</li><li>- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu đã thu hồi hết số tiền tạm ứng.</li></ul> <p>10.2. Thanh toán</p> <p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đồng tiền thanh toán: VND.</li><li>- Số lần thanh toán:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Thanh toán (*): 70% giá trị hợp đồng (hoặc 90% giá trị hợp đồng trong trường hợp nhà thầu không tạm ứng) khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nghiệm thu theo qui định.</li><li>+ Tiền giữ lại (**): Bên A sẽ giữ lại 10% giá trị hợp đồng. Khoản tiền này sẽ được thanh toán cho bên B khi có xác nhận quyết toán công trình hoàn thành của Chủ đầu tư và thanh lý hợp đồng.</li></ul></li><li>- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày (trừ trường hợp nhà thầu và chủ đầu tư có thỏa thuận khác) kể từ khi chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ, đủ chứng từ theo qui định:<ul style="list-style-type: none"><li>- Công văn đề nghị thanh toán của nhà thầu</li><li>- Hồ sơ tài liệu trong quá trình thực hiện</li><li>- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.</li><li>- Biên bản nghiệm thu bàn giao sản phẩm hoàn thành.</li></ul></li></ul>
-----------------	--

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản nghiệm thu thanh toán.</li> <li>- Quyết định phê duyệt sản phẩm của cấp có thẩm quyền.</li> <li>- Hóa đơn.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 15.2</b>	<p>Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với gói thầu tư vấn giám sát</li> <li>+ Cùng với việc thực hiện cập nhật nhật ký thi công (giấy) theo quy định hiện hành, nhà thầu phải đảm bảo đủ trang thiết bị và nhân lực để cập nhật vào nhật ký thi công điện tử và áp dụng chữ ký số theo đúng quy định hướng dẫn của Bên A.</li> <li>+ Cùng Nhà thầu thành lập nhóm kiểm tra thường xuyên và đột xuất về công tác an toàn, đảm bảo các nhà thầu thực hiện nghiêm ngặt quy trình, quy định trong thi công xây dựng.</li> <li>+ Kiểm tra xử lý các vi phạm về thủ tục cho phép vào làm việc, danh sách đơn vị thi công, chứng chỉ huấn luyện an toàn và các biện pháp an toàn tại vị trí công tác</li> <li>+ Kiểm tra, rà soát, phát hiện sớm và củng cố ngay các thiếu sót, vi phạm về an toàn, phòng chống cháy nổ;</li> <li>+ Tăng cường tổ chức kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện các quy định về PCCC</li> <li>+ Đình chỉ thi công khi phát hiện nhà thầu vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động làm xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động.</li> <li>+ Yêu cầu nhà thầu khắc phụ để đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trước khi cho phép tiếp tục thi công</li> <li>+ Tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC trên công trường theo chế độ kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất theo quy định.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên A có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B. Nếu trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận</li> </ul>

	<p>được thông báo của Bên A về sai sót hoặc chậm trễ của Bên B trong khi thực hiện các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng này, Bên B vẫn không có biện pháp sửa chữa hoặc cố tình không sửa chữa sai sót đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho Bên B khi phát hiện Bên B lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</li> <li>- Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Bên B vẫn không thể thực hiện được dịch vụ.</li> <li>- Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng;</li> </ul> <p>Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo khoản 1 điều này, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
<p><b>E-ĐKC 22.2</b></p>	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng.</li> <li>- Giải quyết tranh chấp:</li> </ul> <p>Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Toàn bộ chi phí cho việc giải quyết tranh chấp tại toà án do Bên thua kiện chịu. Phán quyết của toà án là phán quyết cuối cùng mà các bên phải tuân thủ.</p> <p>Nhà thầu có thời hạn 7 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi</p>

phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.

